



**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

# ĐỀ ÁN

## PHÁT TRIỂN GIÁ TRỊ ĐA DỤNG CỦA HỆ SINH THÁI RỪNG



**Quyết định số 208/QĐ-TTg ngày 29 tháng 02 năm 2024  
của Thủ tướng Chính phủ**

# MỤC TIÊU

Phát triển giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng nhằm tạo việc làm, bảo tồn tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học; bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa, lịch sử truyền thống và tri thức bản địa của cộng đồng địa phương.



## Chung



## Cụ thể



- 1 Phát triển bền vững nguồn cung nguyên liệu gỗ, đáp ứng tối thiểu 80% vào năm 2030 và 100% vào năm 2050 nhu cầu nguyên liệu cho ngành công nghiệp chế biến gỗ.
- 2 Giá trị lâm sản ngoài gỗ, được liệu tăng 1,5 lần so với năm 2020 vào năm 2030 và tăng gấp 2,0 lần vào năm 2050; tỷ trọng xuất khẩu từ 10-15% vào năm 2030 và 25% vào năm 2050.



# MỤC TIÊU

## Cụ thể




- Đến năm 2030, giá trị kinh tế trên một đơn vị diện tích canh tác được gia tăng từ 20% trở lên ngoài giá trị gỗ rừng trồng.
- Thu từ dịch vụ môi trường rừng tăng trưởng ổn định, bình quân 5%/năm.
- Thu từ du lịch cộng đồng, sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí tăng 50% so với năm 2020 vào năm 2030 và 100% vào năm 2050.
- Duy trì ổn định và phát triển diện tích rừng đặc dụng đến năm 2030 tăng từ 10-15% so với năm 2020; xây dựng được Kế hoạch hành động bảo tồn loài động vật rừng nguy cấp, quý hiếm tại Việt Nam.
- Lao động trong lĩnh vực lâm nghiệp là người dân tộc thiểu số ở khu vực có rừng đến năm 2030 chiếm trên 50%; tỷ lệ được đào tạo, tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật đạt từ 40% trở lên vào năm 2030 và 70% vào năm 2050. Đến năm 2030, tăng gấp 1,5 lần và đến năm 2050 tăng gấp 2 lần so với năm 2025.





## NHIỆM VỤ

### 1. Phát triển nguồn nguyên liệu gỗ hợp pháp cho ngành chế biến gỗ

 Hình thành một số vùng trồng rừng nguyên liệu tập trung; ưu tiên phát triển rừng gỗ lớn, chuyển hóa từ rừng trồng gỗ nhỏ sang kinh doanh gỗ lớn; gắn các vùng sản xuất nguyên liệu với chế biến hàng hóa tập trung đối với một số sản phẩm thế mạnh.



 Từng bước tăng tỷ trọng nguồn cung cấp nguyên liệu gỗ hợp pháp từ rừng trồng trong nước phục vụ cho ngành chế biến gỗ và lâm sản.

 Phát triển công nghệ chế biến tinh, chế biến sâu; từng bước hình thành kinh tế tuần hoàn trong ngành sản xuất lâm nghiệp.

# NHIỆM VỤ

## 2. Phát triển lâm sản ngoài gỗ, dược liệu

Điều tra, đánh giá, phân vùng bảo tồn, phát triển các loài lâm sản ngoài gỗ, cây dược liệu dưới tán rừng.

Nghiên cứu, khảo nghiệm, chọn, tạo, công bố, lưu hành các giống, loài cây lâm sản ngoài gỗ, cây dược liệu năng suất, chất lượng cao; Xây dựng, hoàn thiện quy trình, hướng dẫn kỹ thuật sản xuất giống, canh tác, chế biến các loài cây lâm sản ngoài gỗ, cây dược liệu.

Hình thành các vùng sản xuất nguyên liệu lâm sản ngoài gỗ, dược liệu tập trung phù hợp điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng, thích hợp với yêu cầu sinh thái của mỗi loài.



Phát triển các cơ sở, nhà máy chế biến sản phẩm hàng hóa thương mại gắn kết với các vùng sản xuất nguyên liệu tập trung theo chuỗi giá trị.









## NHIỆM VỤ

### 3. Phát triển các hình thức nông, lâm, ngư kết hợp

- »» Tổng kết, đánh giá, các mô hình nông, lâm, ngư kết hợp để chia sẻ kinh nghiệm, xây dựng quy trình, hướng dẫn kỹ thuật và nhân rộng các mô hình thành công.
- »» Lựa chọn các loài cây trồng, vật nuôi giá trị cao, đa mục đích phù hợp với điều kiện địa phương và nhu cầu, của thị trường.
- »» Tổ chức hợp tác, liên kết sản xuất giữa các doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng bền vững, hiệu quả.

### 4. Phát triển dịch vụ môi trường rừng

-  Đa dạng hóa và mở rộng nguồn thu từ các loại dịch vụ môi trường rừng phù hợp với quy định.
-  Nghiên cứu và đề xuất thể chế hóa quy định về mức chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng tiệm cận với giá trị thực của rừng.
-  Xây dựng và triển khai Đề án thí điểm kinh doanh tín chỉ các-bon từ rừng đã được Thủ tướng Chính phủ cho phép.
-  Đảm bảo chia sẻ công bằng lợi ích với cộng đồng người dân địa phương.



# NHIỆM VỤ

## 5. Phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí

Hướng dẫn chủ rừng xây dựng, thực hiện Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí; đánh giá tác động, có biện pháp kiểm soát chặt chẽ.



Tăng cường hợp tác giữa chủ rừng với cộng đồng địa phương, khuyến khích cộng đồng tham gia; bảo tồn, phát huy tri thức bản địa và truyền thống văn hóa, đảm bảo chia sẻ lợi ích công bằng đối với cộng đồng địa phương.



Phát triển các loại hình, sản phẩm du lịch đặc trưng gắn với giá trị cảnh quan tự nhiên của hệ sinh thái rừng.



Phát triển chiến lược quảng bá, tiếp thị, các kênh truyền thông giới thiệu và phản hồi về các hoạt động du lịch sinh thái, du lịch nông thôn.



Thu hút nguồn lực xã hội tham gia phát triển bền vững du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong các hệ sinh thái rừng; hỗ trợ tạo việc làm, nâng cao sinh kế thông qua việc sử dụng lao động địa phương.





## 1. Về cơ chế, chính sách

💡 Hoàn thiện cơ chế, chính sách về chi trả dịch vụ môi trường rừng, bảo tồn đa dạng sinh học và phục hồi các hệ sinh thái rừng; tập trung dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng; giảm phát thải khí nhà kính từ hạn chế mất rừng, suy thoái rừng, quản lý bền vững và tăng trưởng xanh.

## GIẢI PHÁP THỰC HIỆN



💡 Hoàn thiện các quy định, hướng dẫn về quản lý bảo tồn, khai thác, sử dụng và phát triển các loài lâm sản ngoài gỗ, dược liệu.

💡 Hoàn thiện cơ chế, chính sách đầu tư phát triển sản xuất lâm nghiệp gắn với việc thực hiện các chính sách an sinh xã hội.



# GIẢI PHÁP THỰC HIỆN



## 2. Về quản lý rừng và phát triển vùng nguyên liệu



Thực hiện quản lý rừng bền vững; khai thác, sử dụng rừng gắn với bảo tồn tài nguyên thiên nhiên, nâng cao giá trị kinh tế, giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng



Đa dạng hóa hình thức tổ chức sản xuất: tổ hợp tác, hợp tác xã, liên doanh, liên kết giữa các doanh nghiệp với chủ rừng trong trồng, khai thác, chế biến, tiêu thụ sản phẩm gỗ, lâm sản ngoài gỗ và dược liệu.

## 3. Về khoa học và công nghệ



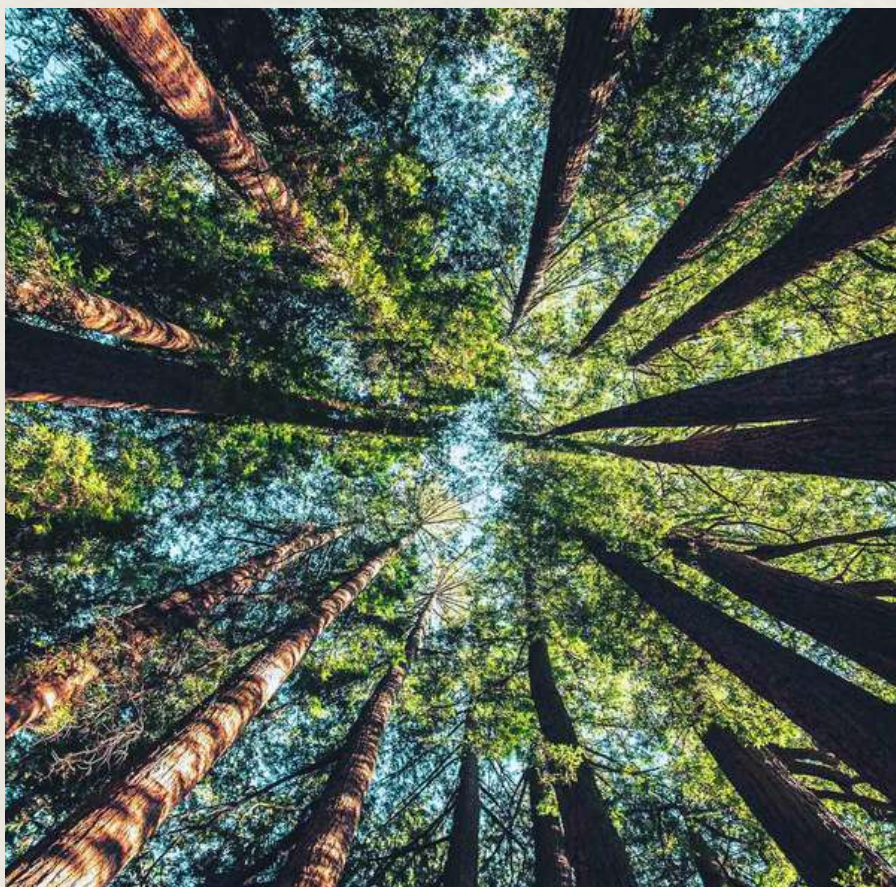
Nghiên cứu chọn, tạo giống năng suất, chất lượng cao phục vụ trồng rừng; hoàn thiện kỹ thuật lâm sinh tăng năng suất, chất lượng rừng trồng, rừng tự nhiên, chuyển hóa sang rừng trồng gỗ lớn; phát triển cây lâm sản ngoài gỗ, cây dược liệu có giá trị kinh tế cao, gắn với tri thức bản địa cộng đồng địa phương; ứng dụng công nghệ tiên tiến trong quản lý cơ sở dữ liệu.



Xây dựng và hoàn thiện hệ thống các hướng dẫn kỹ thuật, quy trình, tiêu chuẩn, quy chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật.



# GIẢI PHÁP THỰC HIỆN



Đánh giá, tổng kết các mô hình phát triển kinh tế nông, lâm, ngư kết hợp để nhân rộng các mô hình.

Đánh giá thực tiễn các mô hình hợp tác, liên kết sản xuất trong lâm nghiệp.

Thúc đẩy liên kết vùng, phát triển kinh tế lâm nghiệp gắn với liên kết vùng sinh thái.

## 4. Về tổ chức sản xuất

Xây dựng một số mô hình đồng quản lý rừng, gắn kết cộng đồng địa phương tham gia và chia sẻ lợi ích trong hoạt động sản xuất lâm nghiệp



# ➤ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

## 5. Về đào tạo, tập huấn, tuyên truyền và nâng cao năng lực



Xây dựng và thực hiện kế hoạch tuyên truyền, hướng dẫn các chủ rừng sử dụng giống.



Tài liệu hóa, đào tạo, tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật, định mức kinh tế kỹ thuật.



Đẩy mạnh truyền thông và nâng cao năng lực cho các bên và chủ rừng, cộng đồng dân cư...



## 6. Về hợp tác quốc tế



Tăng cường khả năng tiếp cận, thúc đẩy quan hệ hợp tác quốc tế để hỗ trợ hoàn thiện cơ chế, chính sách.



Triển khai thỏa thuận chuyển nhượng kết quả giảm phát thải từ rừng, thúc đẩy hình thành thị trường carbon rừng.



Thúc đẩy và thực hiện hiệu quả các sáng kiến, cơ chế huy động tài chính mới.



Xây dựng, triển khai hiệu quả chương trình, dự án và sự hỗ trợ của tổ chức quốc tế.